

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Tên viết tắt: LAWACO

Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An

Điện thoại: 072.3825.114

Fax: 072.3826.040

Website: www.lawaco.com.vn

Người được ủy quyền CBTT: Võ Minh Thái

Chức danh: Trưởng Ban kiểm soát

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2017

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2018 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Long An, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Người được Ủy quyền Công bố thông tin

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Võ Minh Thái

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**
- Giấy CNĐKDN: số **1100101500** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày **12/07/2007**, đăng ký thay đổi lần **5** ngày **30/6/2016**.
- Vốn điều lệ: **122.000.000.000** đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **73.200.000.000** (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: **250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An**
- Số điện thoại: **072.3825114**
- Số Fax: **072.3826040**
- Website: **www.lawaco.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **LAW**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

1956	Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An. Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung Cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
1979	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m ³ /ngày đêm.
1992	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.
2007	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công



	<p>ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m³/ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh</p>
2009	<p>Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.</p>
2013	<p>Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thành công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).</p>
2015	<p>Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng.</p> <p>Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.</p> <p>Ngày 26/11/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội ban hành Quyết định số: 787/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Long An</p>
2016	<p>Ngày 30/06/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng.</p>

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh)	3600
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước)	4322
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (dịch vụ khoan giếng; tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp, thoát nước)	7110
5	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp thoát nước)	4752
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn kính phẳng; - bán buôn đồ ngũ kim và khóa; bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; bán buôn bình đun nước nóng; bán buôn thiết bị vệ sinh khác; bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác);	4663
7	Sản xuất đồ uống không có cồn, nước khoáng (sản xuất nước uống đóng chai).	1104

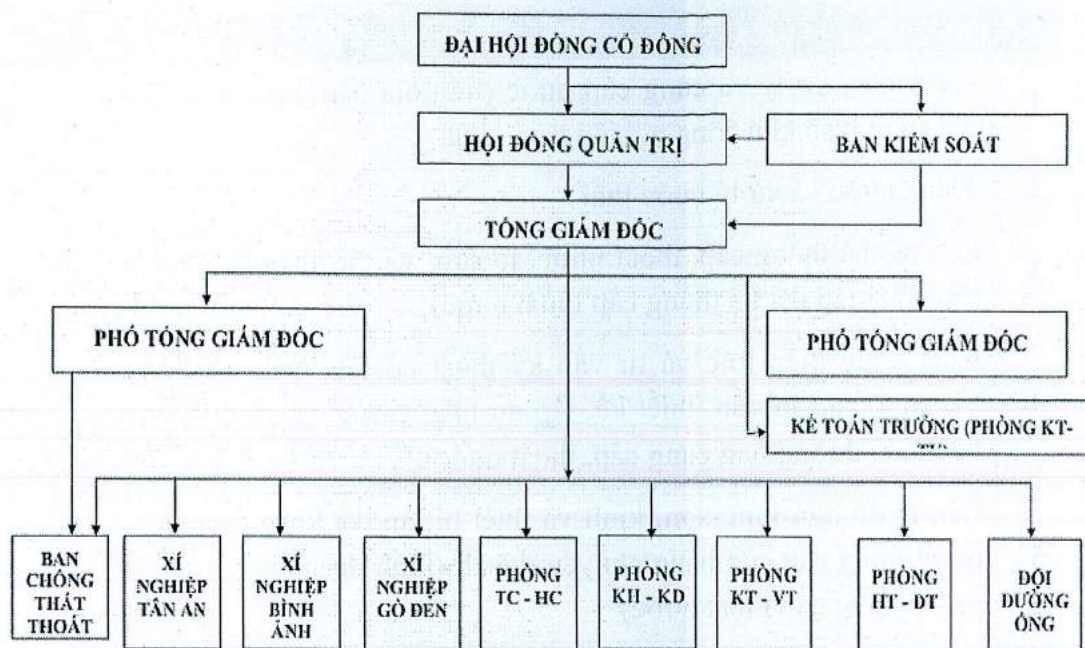
- **Địa bàn kinh doanh:** TPTân An, huyện Thủ Thừa, huyện Bến Lức, huyện Tân Trụ và một số vùng lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

*** Mô hình quản trị Công ty:**

- Đại hội Đồng Cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc điều hành

*** Cơ cấu bộ máy quản lý**



5. Định hướng phát triển Công ty:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ *Nâng cao hiệu quả quản lý:* Công ty áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001: 2015, hoàn thiện và luôn cập nhật những quy trình sản xuất, quy định về lề lối làm việc, định mức, chế độ trách nhiệm...

+ *Hoàn thiện công nghệ, kỹ thuật và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu:*

Với đặc thù là Công ty cung cấp nước sạch và các sản phẩm, dịch vụ cho việc cung cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt trên địa phận Long An, Công ty có bộ phận chuyên kiểm tra về chất lượng nước và chất lượng đường dẫn. Ngoài ra, Công ty còn mời Sở Y tế thường xuyên kiểm tra chất lượng nước để đảm bảo đủ tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT cung cấp ra thị trường.

Không ngừng nghiêm cứu, cập nhật trình độ công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận.

+ *Nguồn lực đáp ứng đủ yêu cầu phát triển Công ty:*

Phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, sự phối hợp giữa Ban điều hành và các đoàn thể chính trị xã hội cơ sở chăm lo, tạo mọi điều kiện để người lao động làm việc thuận lợi, cống hiến và phát huy sức sáng tạo, tài năng của mình vì sự nghiệp phát triển Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành cấp

nước tại Long An và khu vực, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về sản phẩm nước sạch chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ để Công ty hoạt động đúng pháp luật, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý thông qua việc áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001-2015.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty)

- Giữ môi trường sản xuất sạch và xanh phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường.
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh trong sản xuất và kinh doanh.
- Tích cực tham gia các chương trình chăm lo đời sống cộng đồng, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro kinh tế

Cũng như các Doanh nghiệp khác hoạt động sản xuất trong ngành hàng tiêu dùng, sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của LAWACO.

6.2. Rủi ro đặc thù

Với đặc thù là đơn vị sản xuất cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Doanh nghiệp phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người dùng sử dụng.

Với công cụ sản xuất là hệ thống sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống này, trong khi chi phí của việc này là không nhỏ, phụ thuộc rất lớn vào thị trường nguyên vật liệu, đây cũng là một rủi ro mà doanh nghiệp gặp phải.

6.3. Rủi ro về môi trường

Do tình hình ô nhiễm môi trường hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp, nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm nguồn nước gây ảnh hưởng chất lượng nước cung cấp hoặc ngưng cung cấp nước. Việc này sẽ ảnh hưởng tới đời sống của người dân và tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2017.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	1000đ	117,000,000	123.564.708	+ 5,6
Nước	1000đ	108,800,000	116.465.860	+ 7
Đường ống	1000đ	8,200,000	7.098.849	-13,5
Lợi nhuận trước thuế	1000đ	17,500,000	21.315.248	+ 21,8

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành:

- **Họ và tên: Phạm Quốc Thắng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật.**

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

- **Họ và tên: Võ Trung Cang – Chức vụ: Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 14/03/1962

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Ấp 1 Xã Bình Tâm, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22% VDL
+ Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL
+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%VDL.

- Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CMND: 300845695 ngày cấp 14/06/2006 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phiếu , chiếm 0,01% VDL

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Phong – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1977

Giới tính: Nam

Nơi Sinh: Châu Thành, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.121

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

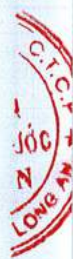
Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

- Những thay đổi trong ban điều hành: (không có)

- Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Thời điểm 31/12/2017	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	143	100,00
1	Trình độ đại học và sau đại học	44	30,77



2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	25	17,5
3	Trình độ khác	74	51,7
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	143	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	134	93,7
2	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	1	0,7
3	Hợp đồng có thời hạn	08	5,6

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty áp dụng hệ thống nhóm, bảng lương theo công việc mà công ty xây dựng cho từng chức danh công việc phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

b) Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty có cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo chuyên đề do Hội cấp nước Việt Nam, Hội cấp nước Miền Nam tổ chức để nâng cao trình độ, tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

c) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thai sản, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho toàn thể nhân viên. Công ty mua Bảo hiểm con người 24/24 giờ cho toàn thể NLD trong Công ty với mức 10.000.000đ/người/năm.

- Hàng năm Công ty có tổ chức cho toàn thể người lao động đi tham quan, nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, CNV người lao động trong toàn Công ty.

- Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức
1	2015	3,57%	Không chia cổ tức năm 2015 số tiền 4.355.000.045 đồng, để lại bổ sung Quỹ đầu tư phát triển để tái đầu tư xây dựng cơ bản mở rộng mạng lưới cấp nước phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
2	2016	4,99%	Trả bằng tiền

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832.
- Đầu tư mở rộng tuyến ống và đầu tư mua sắm;
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	264.185.598.021	272.579.413.727	+3,1%
Doanh thu thuần	116.012.600.062	123.564.708.700	+ 6,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.186.872.007	21.315.248.991	+ 31,7%
Lợi nhuận khác	498.483.107	129.764.872	- 26%
Lợi nhuận trước thuế	16.685.355.114	21.185.484.119	+ 27%
Lợi nhuận sau thuế	15.016.819.603	18.998.685.421	+ 26,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40%	40%	0

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	1,188	1,1	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,4581	0,71	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,466	0,45	
+ Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,879	0,83	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	3,5046	5,62	

Giá vốn hàng bán			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/tổng tài sản	0,3779	0,45	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,114	0,15	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,084	0,13	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	0,043	0,07	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,144	0,17	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm ngàn)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	124	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	120	232.580	2.325.800.000	1,91%
2	Cổ đông tổ chức	04			
	UBND tỉnh Long An		7.320.000	73.200.000.000	60%
	Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP		3.122.420	31.224.200.000	25,59%
	Công ty cổ phần nhựa Đồng Nai		1.505.000	15.050.000.000	12,336%
	Công ty cổ phần đầu tư VSD		20.000	200.000.000	0,16
II	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%

2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		124	12.200.000	122.000.000.000	100%

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm*: Thoái vốn Nhà nước của UBND tỉnh Long An từ 8.825.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 72,336% xuống còn 7.320.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 60% vốn điều lệ.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: không có

e. *Các loại chứng khoán khác*: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguồn khai thác nước ngầm (nước thô) 18,717,189 m³

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Sản phẩm nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An được sản xuất từ nguồn nước ngầm thô như: Clo lỏng, vôi đều sử dụng trực tiếp không qua tái chế

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là trực tiếp như: Điện

- Năng lượng điện dùng cho Sản xuất nước sạch: 7.334.927 KW/năm

- Năng lượng điện dùng gián tiếp cho văn phòng: 70.154 KW/năm

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Công ty đã lắp đặt biến tần cho một số trạm bơm nước để sử dụng năng lượng có hiệu quả và hợp lý hơn.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Do đặc thù của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch nên nguồn sử dụng nước của Công ty chủ yếu là nước ngầm

- Nguồn khai thác nước ngầm 18,717,189 m³ ;

- Lượng nước ghi thu: 14,892,237 m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Hiện công ty chưa có hệ thống tái chế sử dụng lại nguồn nước đã qua sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 143 người, mức lương trung bình: 10,5 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm Công ty có tổ chức cho CB CNV đi tham quan, du lịch một lần và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Theo nhu cầu cụ thể của các phòng, ban, xí nghiệp trong công ty

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý v.v...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào lũ lụt, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn đứng chân v.v...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	1000đ	117,000,000	123.564.708	+ 5,6
Nước	1000đ	108,800,000	116.465.860	+ 7
Đường ống	1000đ	8,200,000	7.098.849	-13,5
Lợi nhuận trước thuế	1000đ	17,500,000	21.315.248	+ 21,8

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

+ Tỷ lệ % tài sản dài hạn cuối kỳ tăng 2,75% với tài sản dài hạn đầu kỳ do đầu tư XD CB hoàn thành và mua sắm mới TSCĐ hơn 21 tỷ đồng, chi phí XD dở dang: hơn 213 triệu đồng, đầu tư vào Công ty liên doanh 695 triệu đồng, giá trị hao mòn của tài sản tăng không nhiều so với đầu tư mua sắm mới trong năm. Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 01/01/2017 và ngày 31/12/2017 lần lượt là 226,658 tỷ đồng; 224,442 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ % tài sản ngắn hạn cuối kỳ tăng so với tỷ lệ % tài sản ngắn hạn đầu kỳ 6,2% do: Giảm phải thu ngắn hạn khách hàng 5,9%, các khoản tiền, đầu tư ngắn hạn cuối kỳ tăng 25,6% (đầu kỳ 12,6 tỷ; cuối kỳ 15,8 tỷ) và các khoản phí thu ngắn hạn còn lại so với cuối kỳ tăng, giảm không lớn.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tỷ lệ % nợ phải trả cuối kỳ tăng hơn 0,7% nợ phải trả đầu kỳ do:

+ Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn cuối kỳ tăng 15% so với đầu kỳ, gồm:

* Phải trả cho người lao động tăng 481 triệu đồng

* Chi phí phải trả ngắn hạn tăng: 2 tỷ 841 triệu đồng

* Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng: 1 tỷ 041 triệu đồng

+ Các khoản phải trả dài hạn cuối kỳ giảm 3% so với đầu kỳ, gồm:

* Phải trả dài hạn khác giảm: 700 triệu đồng

* Vay và nợ dài hạn giảm: 2 tỷ 879 triệu đồng

Trong năm 2017 Công ty đã vay dài hạn 6 tỷ 092 triệu đồng để mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm tạo thêm doanh thu, đồng thời cũng trả nợ vay dài hạn các năm trước khi đến hạn 9 tỷ 880 triệu đồng.

Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty kiểm toán VaCo xác nhận, các khoản nợ phải trả Công ty đều có khả năng thanh toán và không có phát sinh nợ xấu.

- **Chỉ tiêu thanh toán:** Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ổn định rất khả quan, bảo đảm khả năng trả nợ của Công ty khi đến hạn.

- **Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:**

Công ty đã tập trung toàn bộ nguồn lực về vốn và tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản cố định được sử dụng và khai thác triệt để. Các khoản nợ, vật tư và tài sản khác quản lý theo quy định của nhà nước, quy chế, quy định của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất kỹ thuật, chất lượng sản phẩm vì đây là một trong những yếu tố sống còn của Doanh nghiệp.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tiếp tục giảm tiêu hao vật tư, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.

- Đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, kiến thức đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc hiện có. Thay đổi hợp lý chế độ trả lương để nó thực sự trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Với thế mạnh trong ngành sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng, LAWACO sẽ vẫn tiếp tục phát huy tiềm lực sẵn có bên cạnh mở rộng thêm một số lĩnh vực khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm và phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể:

Duy trì ổn định lượng khách hàng tại địa phương Tỉnh Long An...

Mở rộng thêm một số khu vực địa phương lân cận (Tiền Giang, một phần TP.HCM...)

Tăng cường đầu tư vào việc phát triển khách hàng sản xuất, trong đó tập trung tại các khu công nghiệp đang có chiều hướng mở rộng tại tỉnh Long An.

Đầu tư thêm cho lĩnh vực cung cấp nước uống tinh khiết.

Song song với cải tiến công tác quản lý, LAWACO cũng sẽ ra sức tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và công tác cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ((không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất năm 2017 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua, các chỉ tiêu của UBND tỉnh Long An giao cho công ty thực hiện, công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh nước sạch, thi công lắp các công trình cấp nước. Kết quả thể hiện ở bảng số liệu sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
----------	-----	----------	-----------	---------------

Doanh thu	1000đ	117,000,000	123.564.708	+ 5,6
Nước	1000đ	108,800,000	116.465.860	+ 7
Đường ống	1000đ	8,200,000	7.098.849	-13,5
Lợi nhuận trước thuế	1000đ	17,500,000	21.315.248	+ 21,8

Công ty hoạt động ổn định, đảm bảo cấp nước liên tục, chất lượng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Bên cạnh kết quả về sản xuất kinh doanh đạt được, công ty nói riêng và ngành nước nói chung đang đứng trước những thách thức, khó khăn về số lượng và chất lượng nước nguồn. Nhất là hiện nay công ty đang khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều hành công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty.

Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

Ban điều hành thực hiện họp giao ban 2 lần/ tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Các thành viên trong Ban điều hành hoàn thành chức trách, nhiệm vụ theo sự phân công, có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đầu tư tài chính vào lĩnh vực an toàn, ổn định.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân lành nghề. Đảm bảo đời sống, thu nhập, việc làm cho người lao động. Tăng sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2017: (đính kèm phụ lục số III)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành
2	Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
3	Ông Võ Quốc Lương	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
5	Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Phạm Quốc Thắng

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962

Giới tính: Nam

Số CMND: 300394695 cấp ngày 15 tháng 02 năm 2006 – Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1985 – 1993	Xí nghiệp khảo sát thiết kế xây dựng	Đội trưởng
1994 – 2006	Công ty Cấp nước Long An	Phó phòng Kỹ thuật – Vật tư
2006 – 2008	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2008 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó Giám đốc
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Chủ tịch kiêm Giám đốc
2013 - 2015	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2015 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm

		Tổng Giám đốc - Bí thư Đảng ủy cơ sở
7/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Trương Thị Thu Hương	Vợ	1.482	0,01%

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Võ Trung Cang

Ngày tháng năm sinh: 14/03/1962

Giới tính: Nam

Số CMND: 301021668 Cấp ngày 02 tháng 01 năm 2013 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Ấp 12 Xã Bình Tâm, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982 – 1991	Xí nghiệp Cấp nước Long An	Tổ trưởng – Đội phó
1991 – 2008	Công ty Cấp nước Long An	Đội trưởng nhà máy
2008 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Giám đốc Xí nghiệp CNTA
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó Giám đốc Công ty
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
7/2016 đến nay	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%

VDL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Võ Quốc Lương

Ngày tháng năm sinh: 10/03/1959

Giới tính: Nam

Số CMND: 300341925 cấp ngày 03 tháng 09 năm 2004 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Lệ Thủy, Quảng Bình

Địa chỉ thường trú: 224 Nguyễn Cửu Vân, P4, TP.TA, Long An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Sơ cấp

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1975 – 1989	BCH quân sự Tỉnh Long An	Sĩ quan
1989 – 1993	Xí nghiệp Cấp nước Long An	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính
1993 – 2007	Công ty Cấp nước Long An	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính
2007 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính
2013 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính

Số lượng cổ phần nắm giữ: 23.347 cổ phần, chiếm 0,19% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 23.347 cổ phần, chiếm 0,19% VDL

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CMND: 300845695 ngày cấp 14/06/2006 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Phó bí thư Đảng bộ cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2007	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
2007 – 2011	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2011 – 2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở
7/2016 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên: Vũ Ngọc Tú

Sinh ngày: 18/12/1989

Quê quán: Bắc Giang

Thường trú: Phòng 107/68A Ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ: Đại học

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008-2012	Cử nhân tài chính kế toán – Newcastle University Australia	
4/2012-6/2013	Chuyên viên cao cấp khối dịch vụ ngân hàng đầu tư – Công ty cổ phần chứng khoán Maritime Bank	Chuyên viên
7/2013-5/2014	Trợ lý Hội đồng thành viên – Công ty TNHH thương mại và Môi trường Ngôi sao xanh	Trợ lý
6/2014-5/2016	Giám đốc tài chính – Công ty cổ phần Môi trường Thuận Thành	Giám đốc
6/2016 –	Tổng Giám đốc – Công ty cổ	Giám đốc



nay	phần đầu tư VSD (VSD Holdings)	
-----	--------------------------------	--

Số lượng cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần, chiếm 0,16% VĐL

+ Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư VSD: 20.000 cổ phần, chiếm 0,16% VĐL

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An:

+ Thành viên của Ban:

01. Ông Phạm Quốc Thắng Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban;

02. Ông Nguyễn Bảo Tùng Phó TGD, Phó trưởng ban;

03. Ông Nguyễn Quốc Phong Kế toán trưởng, KTT ban;

04. Ông Trần Thanh Phúc TP. HT – ĐT, thành viên;

05. Ông Lưu Văn Cần PP. KT-VT, thành viên;

06. Bà Trần Vân Anh PTP. HT- ĐT, thành viên;

07. Ông Lê Thanh Hải NV. PHT- ĐT, thành viên.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung
01	01/NQ.HĐQT-CN	10/01/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp thứ 18, NK (2013- 2019) V/v: + Thống nhất thông qua nội dung báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Tuyển ống cấp nước tính lộ 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã 3 cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).
02	02/NQ. HĐQT-CN	18/01/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp thứ 19, NK (2013- 2019) V/v: Thống nhất thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty CPCTN Long An
03	03/NQ. HĐQT-CN	14/03/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp thứ 20, NK (2013- 2019) V/v: + Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. + Thống nhất thông qua các nội dung trình đại

			hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
04	09/NQ. HĐQT-CN	05/05/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp thứ 21, NK (2013-2019): V/v Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2016 + Thông qua bổ sung hạng mục đầu tư XDCB năm 2017
05	10/NQ. HĐQT-CN	12/05/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp thứ 22, NK (2013-2019), V/v thống nhất thông qua đề án xây dựng chương trình ứng dụng hóa đơn điện tử trong hệ thống quản lý của Công ty CP Cấp thoát nước Long An; + Thông qua đề án xây dựng cơ cấu bộ máy tổ chức Cty CP Cấp thoát nước Long An (giai đoạn 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và những năm tiếp theo) + Thông qua đề cương nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết khu vực Hồ Bảo Định – TPTA – tỉnh Long An + Thông qua việc cải tạo, nâng cấp phòng thí nghiệm của Công ty theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành thuộc lĩnh vực được phân công.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An trong năm đã quản lý hồ sơ và giám sát chất lượng công trình như:

- Tuyến ống cấp nước tỉnh lộ 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã ba cầu Nhum, xã An Nhựt Tân đến xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An)

- Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 830D, lý trình từ Km 0+000 đến Km 02+580 (hai bên tuyến)

- Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, lý trình từ Km 01+ 230 đến Km 02+ 260 (bên phải tuyến)

- Tuyến ống cấp nước đường Quốc lộ 1 và tỉnh lộ 816, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Phạm Quốc Thắng – Chủ tịch HĐQT;

- Nguyễn Bảo Tùng – Thành viên HĐQT.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: (không có)

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Võ Minh Thái	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Thùy Dung	Thành viên BKS
3	Trịnh Nguyên Khánh	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Võ Minh Thái
- Ngày tháng năm sinh: 1963
- Giới tính: Nam
- Nơi Sinh: Châu Thành, Long An
- Số CMND: 300310498 ngày cấp 13/02/2006 Công an Long An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Châu Thành, Long An
- Địa chỉ thường trú: 18 Nguyễn Thanh Cần, P2, TP. Tân An, Long An
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1980 – 1993	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
1994 – 2005	Công ty phát triển và kinh doanh nhà Cửa Long	Nhân viên
2006 – 2010	Công ty cổ phần Vận tải Long An	Nhân viên
2011 đến nay	Xí nghiệp cấp nước Tân An – Công ty	Nhân viên kế toán

	cổ phần Cấp thoát nước Long An	
2013 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu: 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung

- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1978

- Giới tính: Nữ

- Số CMND: 300877897 ngày cấp 12/05/2008 - Công an Long An

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Quê quán: Bến Lức, Long An

- Địa chỉ thường trú: Ấp Long Bình, Long Hiệp, Bến Lức, Long An

- Điện thoại liên lạc: 072. 2210.362

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa chất, Cử nhân quản lý công nghiệp.

- Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001	Công ty gạch TAICERA Đài Loan	Nhân viên
2001 – 2006	Công ty Cấp nước Long An	Nhân viên
2006 – 2009	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Nhân viên
2009 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
2013 đến	Công ty cổ phần Cấp thoát nước	Thành viên Ban Kiểm soát,

nay	Long An	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
-----	---------	------------------------------------

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.931 cổ phần, chiếm 0,04% VDL
- + Sở hữu cá nhân: 4.931 cổ phần, chiếm 0,04% VDL
- + Đại diện sở hữu: 0
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
- **Thành viên Ban Kiểm Soát**
- Họ và tên: Trịnh Nguyên Khánh
- Ngày tháng năm sinh: 01/9/1982
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 013241688 ngày cấp 9/01/2010 - Công an Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 42B Ngõ 164 Phố Hồng Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0938.144.868
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần VSD (VSD Holdings)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2000-6/2004	Khoa Kế toán – Học Viện Tài chính	
5/2004-10/2005	Trợ lý kiểm toán viên, Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Thuế ATC	Trợ lý
11/2005-10/2008	Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP. HCM (AISC) – Chi nhánh Hà Nội	Trưởng nhóm
11/2008-12/2010	Phó phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp – Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank	Phó phòng
1/2011-11/2015	Giám đốc Khối dịch vụ ngân hàng đầu tư – công	Giám đốc

	ty cổ phần chứng khoán Maritime Bank	
12/2015-5/2016	Giám đốc đầu tư – Công ty Thương mại dịch vụ & môi trường Ngôi sao xanh	Giám đốc
6/2016 – nay	Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần đầu tư VSD (VSD Holdings)	Phó tổng giám đốc

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định. Ban kiểm soát tổ chức kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trên cơ sở báo cáo tài chính đã lập hàng quý, năm nhằm thẩm định, đánh giá lại mức độ chính xác, tính cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo cho Hội đồng quản trị.

Hiện tại Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An chỉ Trưởng ban làm chuyên trách, các thành viên còn lại kiêm nhiệm, cho nên việc kiểm tra đa phần là chuyên trách giám sát. Việc tổ chức họp của Ban được diễn ra không thường xuyên mà chỉ định kỳ 02 lần/năm theo quy định. Nội dung các cuộc họp trao đổi lẫn nhau trong quá trình kiểm tra, giám sát, đề xuất ý kiến của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích thành viên HĐQT, BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tổng lương, thưởng thù lao năm 2017	Ghi chú
01	Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT	599.996.642	Điều hành
02	Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	495.872.920	Điều hành
03	Võ Quốc Lương	Thành viên HĐQT – TP. TC – HC	307.263.159	
04	Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	407.521.602	Điều hành

05	Vũ Ngọc Tú	Thành viên HĐQT	36.000.000	
06	Võ Minh Thái	Trưởng BKS	325.695.792	
07	Nguyễn Thị Thùy Dung	Thành viên BKS – TP. KH- KD	296.075.290	
08	Trịnh Nguyên Khánh	Thành viên BKS	24.000.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của công đồng nội bộ: (không có)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản trị Công ty và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt vào công tác quản trị Công ty trong tương lai. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực quản trị của các cán bộ quản lý thông qua việc cử đi học lớp học về quản trị Công ty do Trung tâm đào tạo chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm) *ueth*



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Quốc Thủy

Phụ lục số III
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12/BC-HĐQT

Long An, ngày 19 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(năm 2017)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
- Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An
- Điện thoại: 072.3825.114 Fax: 072.3826.040
Email: info@lawaco.vnn.vn
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000đồng
- Mã chứng khoán: LAW

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	07/NQ-ĐHĐCĐ	12/4/2017	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2017):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch	26/9/2013	05	100%	
02	Ông Võ Trung Cang	Thành viên	26/9/2013	05	100%	
03	Ông Võ Quốc Lương	Thành viên	26/9/2013	05	100%	
04	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên	26/9/2013	05	100%	



05	Vũ Ngọc Tú	Thành viên	28/6/2016	05	100%	
----	------------	------------	-----------	----	------	--

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban tổng giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.

- Đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị, điều hành mọi hoạt động SX – KD, công tác đầu tư với những biện pháp hữu hiệu.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An trong năm đã quản lý hồ sơ và giám sát chất lượng công trình như:

- Tuyến ống cấp nước tỉnh lộ 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã ba cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An)

- Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 830D, lý trình từ Km 0+000 đến Km 02+580 (hai bên tuyến)

- Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, lý trình từ Km 01+ 230 đến Km 02+ 260 (bên phải tuyến)

- Tuyến ống cấp nước đường Quốc lộ 1 và tỉnh lộ 816, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2017)

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Võ Minh Thái	Trưởng ban	26/9/2013	02	100%	
02	Nguyễn Thị Thùy Dung	Thành viên	26/9/2013	02	100%	
03	Trịnh Nguyên Khánh	Thành viên	28/6/2016	02	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

- Giám sát Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, quý, năm theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm .

- Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Năm 2017, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động và đầu tư của Công ty như : Đầu tư dự án cấp nước và phát triển tuyến ống, đầu tư và mở rộng mạng lưới cấp nước thành phố Tân An, Thủ Thừa, Bến Lức, Tân Trụ các khu công nghiệp và các huyện lân cận, sửa chữa, cải tạo mạng lưới đường ống nâng công suất các giếng.

- **HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông;**

- Giám sát Ban điều hành:

- Trên cơ sở Nghị quyết HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội cổ đông thông qua. Ban điều hành cùng với bộ phận nghiệp vụ Công ty đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như : sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập bình quân của người lao động, đạt và vượt mức tăng trưởng so với năm 2016. Ban điều hành cũng chỉ đạo Công ty thực hiện tốt trong công tác đấu thầu các công trình XDCB nhằm mở rộng, sửa chữa mạng lưới cấp nước cho Công Ty.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Tổng số cán bộ công nhân viên toàn Công ty đến ngày 31/12/2017 là 143 người trong đó có 08 hợp đồng lao động thời vụ theo công việc, giảm 04 nhân sự so với năm 2016. Theo kế hoạch và nhiệm vụ sản xuất trong năm đã đề ra thì lực lượng lao động trên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý điều hành của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

IV. Đào tạo về quản trị công ty:

Theo nhu cầu cụ thể của của HĐQT, BKS và Ban điều hành

V. Danh sách về người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (báo cáo năm 2017) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
01	Phạm Quốc Thắng		Chủ tịch HĐQT	300394695	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
02	Võ Trung Cang		Thành viên HĐQT	301021668	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
03	Võ Quốc Lương		Thành viên HĐQT	300841925	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
04	Nguyễn Bảo Tùng		Thành viên HĐQT	300845695	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
05	Vũ Ngọc Tú		Thành viên HĐQT	012681510		28/6/2016		
06	Võ Minh Thái		Trưởng BKS	300310498	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
07	Nguyễn Thị Thùy Dung		Thành viên BKS	300877897	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
08	Trịnh Nguyên Khánh		Thành viên BKS			28/6/2016		
09	Nguyễn Quốc Phong		Kế toán trưởng	311452927	250 Hùng Vương, P4, TPTA,	26/9/2013		

					Long An		
--	--	--	--	--	---------	--	--

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
	Không có							

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
	Không có								

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là

01/06/2024
 CÔNG TY
 HỮU HẠN
 VIỆT NAM
 LONG AN
 T. LONG AN

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ e	
	Không có						

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có *huh*



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Quốc Thắng





Ngày 15/10/2015

Phụ lục đính kèm của Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁP THOÁT NƯỚC LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2018

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan :

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan (phụ lục kèm theo)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMN D/ ĐKK D	Ngày cấp CMN D/ ĐKK D	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
01	UBND Tỉnh Long An						61 Nguyễn Huệ, P1, TPTA, Long An	7.320.000	60%	
02	Phạm Thắng		CT HĐQT	30039 D/ ĐKK D 4695	15/2/2006	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	2.700	0,022	Đại diện UBND Tỉnh, năm giữ 4.636.000 chiếm 38%
	Trương Thị Thu Hương		Vợ	30045 8390	19/11/2004	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	1.482	0,012	
	Phạm Trương Nhật Phương		Con ruột	30131 2026	19/11/2004	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An			
	Phạm Trương Tuyết Phương		Con ruột	30166 7383	23/7/2014	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An			
	Phạm Văn Điện		Cha ruột	30039 4498	26/9/2005	CA Long An	Áp 5, xã Nhị Thành, Thù Thù, Long An			

	Dương Thị Phe	Mẹ ruột	30039	23/9/2005	CA Long An	Ấp 4, xã Nhị Thành, Thù Thù, Long An			
	Phạm Quốc Tuấn	Em ruột	30051	23/9/2005	CA Long An	Ấp 4, xã Nhị Thành, Thù Thù, Long An			
	Phạm Thị Ngọc Thúy	Em ruột	30068	28/9/2005	CA Long An	Ấp 4, xã Nhị Thành, Thù Thù, Long An			
	Phạm Quốc Tân	Em ruột	30068	17/7/2000	CA Long An	92/1 Trần Phong Sắc, P4, TPPTA, Long An			
03	Võ Trung Cang	TV HDQT - Phó TGĐ	30102	02/01/2013	CA Long An	Ấp 1 Xã Bình Tâm, TPPTA, Long An	3.100	0,025	Đại diện UBND Tỉnh Long An, nắm giữ 2.684.000 chiếm 22%
	Nguyễn Thị Thúc	Vợ	30047	14/4/2004	CA Long An	Ấp 1 Xã Bình Tâm, TPPTA, Long An			
	Võ Kim Thanh	Con	30144		CA Long An	Ấp 1 Xã Bình Tâm, TPPTA, Long An			
	Võ Kim Phụng	Chị ruột	32001	20/9/2005	CA Bến Tre	115B Đường Ngô Quyền, P3, Tỉnh Bến Tre			
	Võ Kim Liên	Chị ruột	12DF7	30/11/2012 - 29/11/2022		Định cư ở Pháp			
	Võ Trung Trục	Anh ruột	36175	11/3/2008	CA Cần Thơ	43/105 Đường 3/2, TP Cần Thơ			
	Võ Trung Chánh	Anh ruột	30096	18/6/2012	CA Long An	278/14 Châu Thị Kim, P7, TPPTA, Long An			
	Võ Kim Cương	Em ruột	32052	20/9/2005	CA Bến Tre	115A Đường Ngô Quyền, P3, Tỉnh Bến Tre			
04	Võ Quốc Lương	TV HDQT	30084	3/9/2005	CA Long An	224 Nguyễn Cửu Vân, P4, TPPTA, Long An	23.347	0,19	
	Nguyễn Thị Nguyệt	Vợ	30136	12/12/2012	CA Long An	224 Nguyễn Cửu Vân, P4, TPPTA, Long An			
	Võ Khắc Chiến	Con ruột	30114	23/10/2002	CA Long An	224 Nguyễn Cửu Vân, P4, TPPTA, Long An			
	Võ Nguyễn	Con	30171	22/5/2002	CA Long An	224 Nguyễn Cửu Vân, P4, TPPTA, Long An			

	phần Đầu tư ngành DNP											
	Võ Minh Thái	Trưởng BKS	300310498	13/02/06	Công An tỉnh Long An	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TP.TA, tỉnh Long An	2.500	0,020				
	Hà Thị Mới	vợ	300968201	13/04/09	Công An tỉnh Long An	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TP.TA, tỉnh Long An						
	Võ Hà Nhật Ai	Con gái	301510241	16/11/09	Công An tỉnh Long An	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TP.TA, tỉnh Long An						
	Võ Thái Nhật Hoàng	Con trai	301667414	23/07/14	Công An tỉnh Long An	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TP.TA, tỉnh Long An						
	Võ Văn Tông	Cha ruột	301373897	28/07/06	Công An tỉnh Long An	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An						
	Võ Văn Bé	Anh ruột	300310853	10/10/11	Công An tỉnh Long An	Số 90/8, ấp 8, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An						
	Võ Thị Bé	Chị ruột	300019935	09/06/04	Công An tỉnh Long An	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An						
						Số 34/7, ấp Thanh Hòa, Long An						

Võ Bá Dương	-	Anh ruột	30018 7592	04/01/ 91	Công An tỉnh Long An	xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
Võ Thành Nhân	-	Anh ruột	30031 0860	07/06/ 01	Công An tỉnh Long An	Số 327/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
Võ Thị Huỳnh Mai	-	Chị ruột	30031 0804	28/05/ 04	Công An tỉnh Long An	Số 195/1, ấp 1, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
Võ Thị Châu Toàn	-	Em ruột	30057 0276	22/10/ 11	Công An tỉnh Long An	Số 257, đường Nguyễn Văn Rành, phường 7, TPTA, tỉnh Long An			
09 Nguyễn Thùy Dung		TV BKS	30087 7897	5/12/2 008	CA Long An	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An	4.931	0,040	
Nguyễn Văn Bông		Cha ruột	30068 4702	02/8/2 012	CA Long An	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An			
Nguyễn Kim Phượng		Mẹ ruột	30044 5193	22/10/ 1997	CA Long An	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An			
Trần Bình Thanh		Chồng	30092 2964	05/10/ 2011	CA Long An	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An			
Trần Nguyễn Nhật Nam		Con ruột			Còn nhỏ	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An			
Trần Nguyễn Nhật Phi		Con ruột			Còn nhỏ	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An			

	Nguyễn Quốc Phong		Em ruột	30095 8903	23/01/ 2010	CA Long An	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An	4.100	0,034	
	Nguyễn Trung Hiếu		Em ruột	30115 8268	4/9/20 000	CA Long An	Ấp Long Bình, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An			
10	Trinh Nguyễn Khánh		TV BKS	01324 1688	9/01/2 010	CA Hà Nội	42B Ngõ 164 Phố Hoàng Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội			
11	Nguyễn Quốc Phong		Kế toán trưởng	31145 2927	22/7/2 004	CA Tiền Giang	Tân Hội Đông-Châu Thành-Tiền Giang	4.100		
	Nguyễn Văn Quan		Cha ruột	31044 1078		CA Tiền Giang	Tân Hội Đông-Châu Thành-Tiền Giang			
	Cao Thị Tiên		Mẹ ruột	31044 1082		CA Tiền Giang	Tân Hội Đông-Châu Thành-Tiền Giang			
	Nguyễn Quốc Hùng		Anh ruột	30131 1000		CA Long An	191/1 Nguyễn Minh Đường, P4, TP.TA, LA			
	Nguyễn Quốc Vũ		Anh ruột	31090 8663		CA Tiền Giang	Tân Hội Đông-Châu Thành-Tiền Giang			
	Nguyễn Thị Kim Cúc		Vợ	30104 5128		CA Long An	1557 P. Khánh Hậu, TP.TA, Long An			
	Nguyễn Hoàng Diên Khánh		Con ruột			Còn nhỏ	1557 P. Khánh Hậu, TP.TA, Long An			
	Nguyễn Minh Khôi		Con ruột			Còn nhỏ	1557 P. Khánh Hậu, TP.TA, Long An			



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Quốc Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Trung Cang	Thành viên
Ông Võ Quốc Lương	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Trung Cang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên

Ông Phạm Quốc Thắng

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



PHẠM QUỐC THẮNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Số: 010/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19/3/2018, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-24) 3577 0781

Fax: (84-24) 3577 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-251) 362 8560

Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quân Toan, P. Quân Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-225) 353 4655

Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 4, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2017, Công ty thay đổi ước tính kế toán liên quan đến phân bổ chi phí sửa chữa lớn, thực hiện phân bổ trong thời hạn 03 năm, kể từ năm phát sinh chi phí sửa chữa lớn, thay vì ghi nhận toàn bộ vào kết quả kinh doanh trong năm như các năm trước. Do đó, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong năm 2017 tăng thêm 9.874.377.211 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên
Giám đốc chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 19 / 3 / 2018

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.353.350.182	35.162.552.550
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.104.617.370	18.018.693.851
1. Tiền	111		5.245.958.572	5.395.076.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.858.658.798	12.623.617.463
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.481.290.679	3.526.060.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.684.000	2.207.324.585
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	274.000.000	376.133.815
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.079.606.679	942.602.450
III. Hàng tồn kho	140	9	13.499.254.224	13.244.816.028
1. Hàng tồn kho	141		13.499.254.224	13.244.816.028
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.268.187.909	372.981.821
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		374.872.434	372.981.821
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	893.315.475	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		235.226.063.545	228.929.202.526
I. Tài sản cố định	220		224.442.683.048	226.658.352.656
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	222.758.079.488	225.039.509.445
- Nguyên giá	222		404.063.608.312	382.657.370.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(181.305.528.824)	(157.617.860.680)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.684.603.560	1.618.843.211
- Nguyên giá	228		1.959.549.240	1.831.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(274.945.680)	(212.897.789)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		213.813.636	424.541.032
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	213.813.636	424.541.032
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	695.189.650	619.989.650
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		695.189.650	619.989.650
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.874.377.211	1.226.319.188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.874.377.211	1.226.319.188
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		272.579.413.727	264.091.755.076

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	123.564.708.700	116.012.600.062
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		123.564.708.700	116.012.600.062
3. Giá vốn hàng bán	11	22	75.093.403.781	74.859.166.346
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		48.471.304.919	41.153.433.716
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	644.936.762	357.762.551
6. Chi phí tài chính	22	25	5.419.878.466	5.401.120.777
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.419.878.466	5.401.120.777
7. Chi phí bán hàng	25	26	8.750.973.744	8.066.001.943
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	13.630.140.480	11.584.503.190
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		21.315.248.991	16.459.570.357
10. Thu nhập khác	31		241.893.475	500.003.352
11. Chi phí khác	32		371.658.347	1.520.245
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(129.764.872)	498.483.107
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.185.484.119	16.958.053.464
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.186.798.698	1.695.805.346
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		18.998.685.421	15.262.248.118
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.246	1.001



Phạm Quốc Thắng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Quốc Phong
 Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	21.185.484.119	16.958.053.464
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	23.749.716.035	20.824.794.701
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(644.936.762)	357.762.551
- Chi phí lãi vay	6	5.419.878.466	5.401.120.777
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu động	8	49.710.141.858	43.541.731.493
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	2.042.879.558	2.461.477.964
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(4.100.285.668)	1.946.117.517
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.624.002.006	(9.621.863.773)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(8.648.058.023)	1.363.765.509
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.502.039.577)	(5.483.281.888)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.275.919.519)	(2.379.742.314)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.787.348.000)	(2.439.220.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.063.372.635	29.388.984.508
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.481.385.878)	(25.150.641.443)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.109.888.334
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(75.200.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	644.936.762	(357.762.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.911.649.116)	(21.398.515.660)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.902.000.000	14.884.970.159
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.880.000.000)	(7.630.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.087.800.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.065.800.000)	7.254.970.159
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.085.923.519	15.245.439.007
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.018.693.851	2.773.254.844
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	21.104.617.370	18.018.693.851



Phạm Quốc Thắng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Quốc Phong
 Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 04 ngày 23/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2017 là 145 người (tại ngày 01/01/2017 là 148 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống thoát nước;
- Thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Dịch vụ khoan giếng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP Long An	Long An	25	25	Đầu tư hạ tầng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính như trình bày tại thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Thay đổi ước tính kế toán liên quan đến phân bổ chi phí sửa chữa lớn

Trong năm, Công ty thay đổi chính sách phân bổ chi phí sửa chữa lớn, theo đó, Công ty sẽ thực hiện phân bổ chi phí sửa chữa lớn vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ năm phát sinh chi phí sửa chữa lớn (thay vì ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong năm như các năm trước). Việc thay đổi này đã làm lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong năm 2017 tăng thêm 9.874.377.211 VND. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, sự thay đổi này phù hợp hơn với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc, thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-45
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	05-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định tại khoản 3, điều 19, thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	772.467.098	124.719.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.473.491.474	5.270.356.895
Các khoản tương đương tiền	15.858.658.798	12.623.617.463
Cộng	21.104.617.370	18.018.693.851

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ban quản lý dự án Công trình Giao thông tỉnh Long An	-	1.546.350.662
Khách hàng khác	127.684.000	660.973.923
Cộng	127.684.000	2.207.324.585

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án Nhà máy nước Bảo Định giai đoạn 1	-	75.200.000
Công trình: lắp tuyến ống TL 832 - Tân Trụ	-	169.482.000
Trả trước khác	274.000.000	131.451.815
Cộng	274.000.000	376.133.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Ngắn hạn</i>	1.079.606.679	-	942.602.450	-
Kinh phí công đoàn	-	-	32.806.680	-
Tạm ứng	345.820.000	-	117.920.000	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động;	510.766.998	-	556.256.077	-
Phải thu ngắn hạn khác	223.019.681	-	235.619.693	-
Cộng	1.079.606.679	-	942.602.450	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.499.254.224	-	13.244.816.028	-
Cộng	13.499.254.224	-	13.244.816.028	-

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a) Phải thu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	893.315.475	893.315.475
Cộng	-	-	893.315.475	893.315.475

b) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	400.581.505	1.782.316.777	1.691.434.292	491.463.990
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.805.346	2.186.798.698	2.382.604.044	-
Thuế tài nguyên	-	3.971.085.067	3.610.139.734	360.945.333
Cộng	596.386.851	7.940.200.542	7.684.178.070	852.409.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	209.356.908.132	24.974.189.229	144.581.810.190	3.744.462.574	382.657.370.125
- Tăng do mua mới	-	218.690.949	720.847.462	32.590.000	972.128.411
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.005.615.224	18.809.722.792	746.580.000	20.561.918.016
- Phân loại lại	(67.808.240)	-	3.419.035.637	(3.479.035.637)	(127.808.240)
Số cuối năm	209.289.099.892	26.198.495.402	167.531.416.081	1.044.596.937	404.063.608.312
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	91.525.257.442	14.871.212.379	49.268.022.635	1.953.368.224	157.617.860.680
- Khấu hao trong năm	12.248.933.634	2.233.992.452	8.900.524.361	304.217.697	23.687.668.144
- Phân loại lại	-	-	1.866.362.100	(1.866.362.100)	-
Số cuối năm	103.774.191.076	17.105.204.831	60.034.909.096	391.223.821	181.305.528.824
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	117.831.650.690	10.102.976.850	95.313.787.555	1.791.094.350	225.039.509.445
Số cuối năm	105.514.908.816	9.093.290.571	107.496.506.985	653.373.116	222.758.079.488

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 22.811.132.233 VND (ngày 31/12/2016 là 16.866.963.433 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 18) với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 là 34.613.622.677 VND (ngày 31/12/2016 là 15.307.751.223 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.477.835.000	353.906.000	1.831.741.000
- Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình	-	127.808.240	127.808.240
Số cuối năm	<u>1.477.835.000</u>	<u>481.714.240</u>	<u>1.959.549.240</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	212.897.789	212.897.789
- Khấu hao trong năm	-	62.047.891	62.047.891
Số cuối năm	-	<u>274.945.680</u>	<u>274.945.680</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>1.477.835.000</u>	<u>141.008.211</u>	<u>1.618.843.211</u>
Số cuối năm	<u>1.477.835.000</u>	<u>206.768.560</u>	<u>1.684.603.560</u>

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m² đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An ; 239m² đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m² đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An – Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình TL834 Km0+00 - Km03+900 - hai bên tuyến	171.313.636	-
Công trình: Đường kênh áp 7, Nhựt Chánh - Bến Lức - HDPE110	-	304.452.670
Công trình khác	42.500.000	120.088.362
Cộng	<u>213.813.636</u>	<u>424.541.032</u>

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

Số đầu năm	424.541.032	14.625.978.782
Tăng trong năm	21.259.991.414	26.404.244.000
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(20.561.918.016)	(39.198.139.799)
Kết chuyển vào chi phí	(908.800.794)	(1.407.541.951)
Số cuối năm	<u>213.813.636</u>	<u>424.541.032</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP Long An	695.189.650	(*)	-	619.989.650	(*)	-
Cộng	695.189.650		-	619.989.650		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
	%	%	%	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP Long An	25%	25%	25%	25%

Phần góp vốn tăng thêm là giá trị mà Công ty đã ứng trước cho dự án Nhà máy nước Nhị Thành với số tiền là 75.200.000 VND, căn cứ vào Biên bản họp ngày 08/02/2017 về việc chuyển tiếp hợp đồng thực hiện công tác giải phóng mặt bằng số 03/2015/HĐ-BTGPMB ngày 1/9/2015, thành phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP Long An ("DNP") (là bên chủ đầu tư mới của dự án tư vấn Nhà Máy Nước Nhị Thành). Tỷ lệ góp vốn đầu tư của Công ty tại DNP theo đăng ký ban đầu là 25% vốn điều lệ, tương đương với 38 tỷ VND. Hiện tại, DNP đang trong giai đoạn đầu tư.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.811.362.664	4.811.362.664	3.932.661.176	3.932.661.176
Công ty Liên doanh Hóa Nhựa Đệ Nhất	-	-	2.748.952.140	2.748.952.140
Cty TNHH Thương Mại N.T.P	929.500.000	929.500.000	-	-
Phải trả người bán khác	3.881.862.664	3.881.862.664	1.183.709.036	1.183.709.036
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	446.971.855	446.971.855	1.307.379.755	1.307.379.755
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	446.971.855	446.971.855	1.307.379.755	1.307.379.755
Cộng	5.258.334.519	5.258.334.519	5.240.040.931	5.240.040.931

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí lãi vay	904.130.982	986.292.093
- Các khoản trích trước khác	1.092.910.112	-
Cộng	1.997.041.094	986.292.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.076.390.994	7.511.106.657
Bảo hiểm xã hội	-	2.607.410
Phải trả cổ tức cho bên liên quan	7.322.699.247	6.090.499.247
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - bên liên quan	1.050.000.000	700.000.000
Công trình TL827 - Đình Thiệu Sơn (Bệnh Viện Sản Nhi)	543.000.000	718.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	160.691.747	-
b) Dài hạn	2.699.285.000	3.399.285.000
'Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - bên liên quan	2.699.285.000	3.399.285.000
Cộng	<u>11.775.675.994</u>	<u>10.910.391.657</u>

18. VAY VÀ NỢ

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND trả nợ	VND	VND	VND	VND trả nợ
a) Vay dài hạn đến hạn trả	10.630.000.000	10.630.000.000	9.880.000.000	9.880.000.000	10.630.000.000	10.630.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An	4.200.000.000	4.200.000.000	3.450.000.000	3.450.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
b) Vay dài hạn	87.314.076.838	87.314.076.838	9.880.000.000	6.902.000.000	-	90.292.076.838
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	64.328.076.838	64.328.076.838	6.430.000.000	-	70.758.076.838	70.758.076.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (ii)	22.986.000.000	22.986.000.000	3.450.000.000	6.902.000.000	19.534.000.000	19.534.000.000

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22 tháng 3 năm 2004, phụ lục số 01PL/TDNN.2006 ngày 31/3/2006, phụ lục số 02PL/TDNN.2007 ngày 12 tháng 7 năm 2007 và phụ lục số 03/2010/HĐODA-NHPTVN năm 2010, hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 5 số 10/2016/HĐODASĐBS-NHPT ngày 16/02/2016, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch. Tại ngày 31/12/2017 giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 70.758.076.838 VND.

(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển theo:

- Phụ lục hợp đồng vay số 03/PL.HĐTD.2015 ngày 03/4/2015 cho Hợp đồng vay số 16/2014.HĐTD ngày 08/10/2014 với số tiền vay hạn mức là 4.328.000.000 đồng, với mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/HDTCTS-QDTPT ngày 08/10/2014. Tại ngày 31/12/2017, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 3.034.000.000 VND.
- Hợp đồng vay số 14/2015.HĐTD ngày 26/6/2015 với số tiền vay hạn mức là 21.000.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng giảm thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư. Tại ngày 31/12/2017, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 17.250.000.000 VND.
- Hợp đồng vay số 05/2017.HĐTD ngày 10/03/2017 với số tiền vay hạn mức là 8.000.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 1 của dự án Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã 3 cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư. Tại ngày 31/12/2017, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 6.092.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ (Tiếp theo)

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả trong một năm	10.630.000.000	10.630.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	45.672.000.000	39.520.000.000
Sau năm năm	41.642.076.838	50.772.076.838
Cộng	97.944.076.838	100.922.076.838
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.630.000.000	10.630.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	87.314.076.838	90.292.076.838

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>LNST thuế</u>	<u>Cộng</u>
	chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.000.000.000	8.494.570.672	-	130.494.570.672
Lãi trong năm	-	-	15.262.248.118	15.262.248.118
Tăng quỹ ĐTPPT từ cổ tức năm 2015	-	4.355.000.045	-	4.355.000.045
Trích quỹ trong năm	-	6.090.499.247	(9.135.748.871)	(3.045.249.624)
Trích cổ tức trong năm	-	-	(6.090.499.247)	(6.090.499.247)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
Số dư đầu năm nay	122.000.000.000	18.940.069.964	-	140.940.069.964
Lãi trong kỳ	-	-	18.998.685.421	18.998.685.421
Trích quỹ trong năm (i)	-	7.850.148.336	(11.642.685.421)	(3.792.537.085)
Trích cổ tức trong năm (i)	-	-	(7.320.000.000)	(7.320.000.000)
Thù lao HĐQT và BKS (i)	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
Số dư cuối năm nay	122.000.000.000	26.790.218.300	-	148.790.218.300

(i) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo tờ trình Số 252/CV.CNLA ngày 01/3/2018 của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty gửi đến Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An và Sở tài chính tỉnh Long An. Cụ thể:

- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 36.000.000 VND.
- Chia cổ tức năm 2017: 7.320.000.000 VND (tương đương 38,6% lợi nhuận sau thuế năm 2017).
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.792.537.085 VND (tương đương 20% lợi nhuận sau thuế 2017).
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 7.850.148.336 VND (tương đương 41,4% lợi nhuận sau thuế 2017).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	60,0%	88.250.000.000	72%
Vũ Văn Cường	-	0,0%	15.717.200.000	12,9%
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	-	0,0%	15.707.200.000	12,9%
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	15.050.000.000	12,3%	-	0,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	31.224.400.000	25,6%	-	0,0%
Cổ đông khác	2.525.600.000	2,1%	2.325.600.000	1,9%
Cộng	122.000.000.000	100%	122.000.000.000	100%

Cổ tức thực tế được thanh toán trong năm nay là 6.087.800.000 VND (năm trước là 0 VND).

20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

21. DOANH THU

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước	116.465.859.565	106.998.842.621
Doanh thu lắp đặt đường ống	7.098.849.135	9.013.757.441
Cộng	123.564.708.700	116.012.600.062

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	70.137.503.010	68.976.609.434
Giá vốn lắp đặt đường ống	4.955.900.771	5.882.556.912
Cộng	75.093.403.781	74.859.166.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.134.543.392	24.273.565.013
Chi phí nhân công	30.721.530.842	25.205.597.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.749.716.035	20.824.794.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.036.133.409	14.087.528.765
Chi phí khác bằng tiền	8.957.420.797	9.779.711.053
Cộng	<u>90.599.344.475</u>	<u>94.171.196.994</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	644.936.762	357.762.551
Cộng	<u>644.936.762</u>	<u>357.762.551</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.419.878.466	5.401.120.777
Cộng	<u>5.419.878.466</u>	<u>5.401.120.777</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	8.215.205.824	6.075.772.350
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.863.567	80.050.817
Chi phí khấu hao TSCĐ	297.929.117	273.610.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.946.978	120.272.424
Các khoản chi phí QLDN khác	4.874.194.994	5.034.796.911
Cộng	<u>13.630.140.480</u>	<u>11.584.503.190</u>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	5.326.529.508	4.062.616.577
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.424.444.236	4.003.385.366
Cộng	<u>8.750.973.744</u>	<u>8.066.001.943</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	2.186.798.698	1.695.805.346
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.186.798.698	1.695.805.346
Chi tiết phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:		
	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	21.185.484.119	16.958.053.464
Trừ: Chi phí sửa chữa lớn của năm 2016 được phân bổ vào chi phí năm 2017 (i)	7.920.621.284	
Thu nhập chịu thuế	13.264.862.835	16.958.053.464
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 10%	13.264.862.835	16.958.053.464
Thuế TNDN phải nộp năm nay	1.326.486.284	16.958.053.464
Thuế TNDN nộp bổ sung của năm 2016 (i)	860.312.414	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.186.798.698	1.695.805.346

- (i) Trong năm 2017, Cơ quan thuế kiểm tra thuế năm 2016 tại Công ty và đề nghị Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn trong 02 năm là năm 2016 và năm 2017 (thay vì Công ty đang ghi nhận hết vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016). Theo đó, lợi nhuận tính thuế năm 2016 tăng thêm một khoản là 7.920.621.284 VNĐ, đồng thời khoản này được tính vào chi phí tính thuế năm 2017 làm cho số thuế năm 2016 phải nộp bổ sung là: 860.312.414 VNĐ.

Công ty áp dụng mức thuế ưu đãi 10% cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa, mức thuế suất này được công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	18.998.685.421	15.262.248.118
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	3.792.537.085	3.045.249.624
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.206.148.336	12.216.998.494
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.246	1.001
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/07/2017 về việc Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017, theo đó Công ty sẽ phát sinh một khoản chi phí liên quan đến việc cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Theo tính toán của Công ty, tổng số tiền sẽ được kê khai nộp là 3.523.690.080 VNĐ, trong đó, chi phí ước tính phân bổ cho năm 2017 là: 256.167.792 VNĐ. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, Công ty chưa có ghi nhận nào trong báo cáo tài chính liên quan đến khoản phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	97.944.076.838	100.922.076.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	21.104.617.370	18.018.693.851
Nợ thuần	76.839.459.468	82.903.382.987
Vốn chủ sở hữu	148.790.218.300	140.940.069.964
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,52	0,59

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.104.617.370	18.018.693.851	21.104.617.370	18.018.693.851
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.207.290.679	3.032.007.035	1.207.290.679	3.032.007.035
Đầu tư tài chính dài hạn	695.189.650	619.989.650	695.189.650	619.989.650
Tổng cộng	23.007.097.699	21.670.690.536	23.007.097.699	21.670.690.536
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	97.944.076.838	100.922.076.838	97.944.076.838	100.922.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	17.034.010.513	16.150.432.588	17.034.010.513	16.150.432.588
Chi phí phải trả	1.997.041.094	986.292.093	1.997.041.094	986.292.093
Tổng cộng	116.975.128.445	118.058.801.519	116.975.128.445	118.058.801.519

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 4, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.104.617.370	-	-	21.104.617.370
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.207.290.679	-	-	1.207.290.679
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	695.189.650	695.189.650
Tổng cộng	22.311.908.049	-	695.189.650	23.007.097.699
Số cuối năm				
Các khoản vay	10.630.000.000	45.672.000.000	41.642.076.838	97.944.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	14.334.725.513	2.800.000.000	(100.715.000)	17.034.010.513
Chi phí phải trả	1.997.041.094	-	-	1.997.041.094
Tổng cộng	26.961.766.607	48.472.000.000	41.541.361.838	116.975.128.445
Chênh lệch thanh khoản thuần	(4.649.858.558)	(48.472.000.000)	(40.846.172.188)	(93.968.030.746)
	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.018.693.851	-	-	18.018.693.851
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.032.007.035	-	-	3.032.007.035
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	619.989.650	619.989.650
Tổng cộng	21.050.700.886	-	619.989.650	21.670.690.536
Số đầu năm				
Các khoản vay	10.630.000.000	39.520.000.000	50.772.076.838	100.922.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	12.751.147.588	2.800.000.000	599.285.000	16.150.432.588
Chi phí phải trả	986.292.093	-	-	986.292.093
Tổng cộng	24.367.439.681	42.320.000.000	51.371.361.838	118.058.801.519
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.316.738.795)	(42.320.000.000)	(50.751.372.188)	(96.388.110.983)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức khá cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
UBND tỉnh Long An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Cổ đông lớn
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	

Ngoài các thông tin đã được trình bày ở các thuyết minh số 14, 17, 19, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Lương, thưởng	1.292.969.940	1.175.385.816
Thù lao hội đồng quản trị	210.000.000	144.000.000
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
UBND tỉnh Long An		
Nhận cổ tức	4.403.675.000	-

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.003.914.319 VND (2016: 0 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả. Ngoài ra, tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm cũng không bao gồm 3.657.156.523 VND, là số tiền kết chuyển từ hàng tồn kho vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm, một khoản tiền tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm hàng tồn kho.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngoài sự kiện như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 – Vốn Chủ sở hữu, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty khẳng định, không còn sự kiện nào khác cần thiết phải trình bày trong báo cáo tài chính năm



Phạm Quốc Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương
Người lập biểu